

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/*Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank3. Mã chứng khoán/*Securities code*: FUEIP1004. Tên quỹ ETF/*ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN1005. Địa chỉ trụ sở chính/*Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: 10/04/20247. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 *Creation Unit* = 100.000 ETF shares.**Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/****Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	FPT	500	6.41%
2	TCB	1,100	5.71%
3	HPG	1,600	5.42%
4	ACB	1,700	5.26%
5	VPB	2,300	5.05%
6	MBB	1,400	3.81%
7	MWG	600	3.59%
8	VIC	600	3.24%
9	VCB	300	3.21%
10	VNM	400	3.04%
11	HDB	1,100	2.99%
12	STB	900	2.97%
13	MSN	300	2.50%
14	VHM	500	2.45%
15	LPB	1,100	2.31%
16	SSI	500	2.13%
17	SHB	1,400	1.78%
18	SSB	700	1.74%
19	EIB	800	1.63%
20	FRT	100	1.59%
21	VIB	600	1.57%
22	CTG	400	1.55%

23	DGC	100	1.33%
24	MSB	800	1.31%
25	TPB	600	1.27%
26	VJC	100	1.16%
27	KBC	300	1.15%
28	PNJ	100	1.10%
29	VRE	400	1.10%
30	VND	400	1.01%
31	OCB	600	0.99%
32	DXG	400	0.91%
33	GAS	100	0.91%
34	GMD	100	0.89%
35	VHC	100	0.84%
36	KDH	200	0.82%
37	GEX	300	0.81%
38	HSG	300	0.78%
39	DIG	200	0.75%
40	PDR	200	0.73%
41	REE	100	0.71%
42	KDC	100	0.71%
43	DGW	100	0.71%
44	VIX	300	0.67%
45	HCM	200	0.65%
46	SAB	100	0.62%
47	BID	100	0.60%
48	VCI	100	0.59%
49	NLG	100	0.49%
50	BVH	100	0.47%
51	HAG	300	0.45%
52	PLX	100	0.42%
53	DPM	100	0.40%
54	DCM	100	0.38%
55	PVD	100	0.38%
56	TCH	200	0.37%
57	GVR	100	0.37%
58	DBC	100	0.35%
59	HDG	100	0.32%
60	PVT	100	0.32%
61	PC1	100	0.32%
62	NKG	100	0.28%
63	SBT	200	0.28%
64	VCG	100	0.28%
65	PAN	100	0.27%

102703
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TRƯỜNG

66	POW	200	0.26%
67	BCG	200	0.20%
68	HHV	100	0.17%
69	EVF	100	0.17%
II.	Tiền/Cash (VND)	33,731,743	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	881,993,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND)	915,724,743
Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	33,731,743

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	27,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	52,700	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	113,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	78,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	24,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	52,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	97,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	62,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	45,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	18,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	22,250	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

3-C
Y
VIỆN
ĐẦU
ĐÁN
-TP-

Dại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - if any)



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

